

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Ánh Tuyết.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

*1/- Ông Đoàn Văn Phôi;*

*2/- Bà Lê Thị Hồng Thảo.*

**- Thư ký phiên tòa:** ông Phạm Thành Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay.

**- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Trần Quốc Vương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 132/2023/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 2000.

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* anh **Nguyễn Văn Lợi**, sinh năm 2001.

Địa chỉ: ấp C, xã P, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

Chị T và anh L vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện và tờ tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: do gia đình hai bên quen biết và đồng ý nên chị và anh Nguyễn Văn L tổ chức đám cưới vào năm 2020, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 12/4/2022. Vợ chồng chị sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi nhau và bất đồng quan điểm trong cuộc sống làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể tiếp tục chung sống với nhau được.

Chị Nguyễn Thị Trang yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

- Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu Tòa án chấp nhận cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Lợi.

- Về con chung: giữa chị và anh L có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết M sinh ngày 03/8/2022, chị yêu cầu giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Tài sản chung, nợ chung: không có.

\* Bị đơn anh Nguyễn Văn L không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại phiên hòa giải đoàn tụ.

**Tại phiên tòa:**

- Chị Nguyễn Thị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn L vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xác định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự chưa phát hiện vi phạm nên không kiến nghị gì. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Trang.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về tố tụng:**

Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Trang.

Anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Lợi.

**[2]. Về quan hệ hôn nhân:**

Giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T xác định: cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh Lợi không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị Trang yêu cầu được ly hôn với anh L.

Anh Nguyễn Văn L đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, anh L không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ theo triệu tập của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định anh lợi không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân giữa anh với chị T.

Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh L là trầm trọng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Trang yêu cầu ly hôn với anh L là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[3]. Về con chung:**

Chị Trang đã giao nộp bản sao giấy khai sinh chứng minh cháu Nguyễn Thị Tuyết M sinh ngày 03/8/2022 là con chung của chị với anh L; anh L không có văn bản thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con và mức cấp dưỡng cho con của chị T.

Thấy rằng: cháu Tuyết Mai dưới 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử thấy giao cho chị Trang trực tiếp nuôi con là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Nghĩa vụ cấp dưỡng: chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng, anh L không có ý kiến phản đối. Hội đồng xét xử thấy rằng: mức cấp dưỡng nuôi con do chị Trang yêu cầu là phù hợp với nhu cầu thiết yếu của con dưới 36 tháng tuổi, phù hợp theo quy định tại các Điều 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[4]. Về tài sản chung:**

Đơn khởi kiện chị T xác định giữa chị và anh L không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

**[5]. Về án phí:**

Chị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**[6].** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**\* Căn cứ vào:**

- Điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 , 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**\* Xử:**

**1. Quan hệ hôn nhân:**

Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

**2. Con chung:** Giao 01 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết M sinh ngày 03/8/2022 cho chị Trang trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng, thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ tháng 9/2023 đến khi cháu Tuyết M đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, anh Lợi còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền cấp dưỡng do chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

### 3. Án phí:

Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0018635 ngày 29/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên chị Trang không phải nộp tiếp tiền án phí.

Anh L phải chịu 300.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

### 4. Quyền kháng cáo:

Chị T và anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- Các đường sự;
- UBND xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
- Lưu: HS, VT.

#### **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

**Hồ Thị Ánh Tuyết**